



jīng wèi fēn míng

泾渭分明

adjective/idiom · as different as the waters of the Jing and Wei rivers; clearly distinct

Example Sentence

Zhè liǎng jiàn shì jīng wèi fēn míng bù néng hùn wéi yī tán
这两件事泾渭分明，不能混为一谈。

These two matters are clearly distinct and cannot be lumped together.

Trace each character, then write the word on your own.

泾	泾	泾	泾	泾	泾	泾	泾	泾	泾	泾
渭	渭	渭	渭	渭	渭	渭	渭	渭	渭	渭
分	分	分	分	分	分	分				
明	明	明	明	明	明	明	明	明	明	明